

Số: **40** /2018/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **02** tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chế độ báo cáo thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Hà Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản;

Căn cứ Thông tư số 27/2016/TT-BXD ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện chế độ báo cáo thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

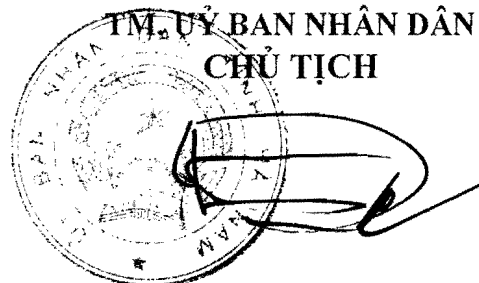
Điều 2. Giao Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối, chủ trì phối hợp các cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 16 tháng 11 năm 2018.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức; cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT Chính phủ;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Công TTĐT tỉnh, CB tỉnh, Báo HN, Đài PTTH tỉnh;
- VPUB: LĐVP(3), GTXD, TH;
- Lưu VT, GTXD.



Nguyễn Xuân Đông

QUY CHẾ

**Phối hợp thực hiện chế độ báo cáo thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản
trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 40 /2018/QĐ-UBND
ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc báo cáo, phối hợp cung cấp, kiểm tra thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trong xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

2. Các loại nhà ở và dự án bất động sản phải báo cáo theo Quy chế này bao gồm: Đất nền cho xây dựng nhà ở; Nhà ở riêng lẻ, nhà ở chung cư; Văn phòng; Khách sạn; Mặt bằng thương mại, dịch vụ; Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp; Khu du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc báo cáo, cung cấp thông tin dữ liệu về nhà ở, thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 3. Nguyên tắc báo cáo, phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản

1. Việc báo cáo và phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân đảm bảo kịp thời, đồng bộ, chặt chẽ, thống nhất, thường xuyên và đầy đủ, chính xác theo đúng các biểu mẫu quy định tại Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.

2. Từng cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung, thông tin, dữ liệu do mình cung cấp.

3. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung nội dung báo cáo các thông tin cần thiết có liên quan về nhà ở và thị trường bất động sản phù hợp với các quy định pháp luật và tình hình thực tế địa phương.

Điều 4. Nội dung thông tin dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản

1. Thông tin về nhà ở gồm:

a) Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về nhà ở và đất ở do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo thẩm quyền.

b) Số liệu, kết quả thống kê, tổng hợp, báo cáo của các chương trình điều tra, thống kê về nhà ở.

c) Các thông tin, dữ liệu về Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà; thông tin cơ bản, số lượng các dự án đầu tư xây dựng nhà ở; số lượng và diện tích từng loại nhà ở; diện tích đất để đầu tư xây dựng nhà ở.

d) Số lượng, diện tích nhà ở đô thị, nhà ở nông thôn.

đ) Số lượng, diện tích nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước, sở hữu tập thể, sở hữu cá nhân và thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài.

e) Thông tin về nhà ở phân theo mức độ kiên cố xây dựng.

g) Các biến động liên quan đến quá trình quản lý, sử dụng nhà ở, đất ở.

h) Số lượng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở.

i) Công tác quản lý nhà chung cư.

k) Các chỉ tiêu thống kê khác về nhà ở.

2. Thông tin về thị trường bất động sản gồm:

a) Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến thị trường bất động sản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo thẩm quyền.

b) Số lượng, tình hình triển khai các dự án, số lượng từng loại sản phẩm bất động sản của dự án; nhu cầu đối với các loại bất động sản theo thống kê, dự báo.

c) Tình hình giao dịch bất động sản gồm các thông tin về lượng giao dịch, giá giao dịch.

d) Các thông tin, dữ liệu về các khoản thu ngân sách từ đất đai và hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

đ) Thông tin về sàn giao dịch bất động sản.

e) Số lượng nhà ở cho thuê và văn phòng, khách sạn, mặt bằng thương mại, dịch vụ gồm các thông tin: Đặc điểm về đất đai, xây dựng; quy mô, mục đích sử dụng; đăng ký sở hữu.

g) Các chỉ tiêu thống kê khác về tình hình phát triển thị trường bất động sản.

Điều 5. Hình thức, thời hạn báo cáo, phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản

1. Hình thức báo cáo, phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu:

- Việc báo cáo, phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu được thực hiện định kỳ và đột xuất bằng văn bản theo các biểu mẫu báo cáo quy định tại Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ.

- Các cơ quan, đơn vị báo cáo, phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu bằng văn bản và bằng tệp dữ liệu điện tử. Nơi nhận thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản: Sở Xây dựng, số 1 Đường Lý Thường Kiệt, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam và thư điện tử về Cổng thông tin điện tử Sở Xây dựng (**Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Sở Xây dựng hoặc Email: Htktbds.sxd.hn@gmail.com**).

2. Thời hạn báo cáo, phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu

- Trước ngày 05 của tháng sau tháng báo cáo đối với các thông tin, dữ liệu quy định cung cấp định kỳ hàng tháng;
- Trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau quý báo cáo đối với các thông tin, dữ liệu quy định cung cấp định kỳ hàng quý;
- Trước ngày 15 tháng đầu tiên của kỳ sau kỳ báo cáo đối với các thông tin, dữ liệu quy định cung cấp định kỳ 6 tháng;
- Trước ngày 20 tháng 01 của năm sau năm báo cáo đối với các thông tin, dữ liệu quy định cung cấp định kỳ hàng năm;

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 6. Việc báo cáo, phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản

1. Báo cáo, phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu định kỳ hàng tháng:

a) Sàn giao dịch bất động sản, tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản phải cung cấp thông tin được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 của Quy chế này về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 1, số 2, số 3 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ;

b) Chủ đầu tư phải cung cấp thông tin về tình hình giao dịch bất động sản của dự án được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 của Quy chế này về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 4a, số 4b, số 4c, số 5 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ.

c) Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp cung cấp thông tin về số lượng giao dịch bất động sản được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 của Quy chế này thông qua hoạt động công chứng, chứng thực hợp đồng về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 6 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ.

2. Các thông tin, dữ liệu được cung cấp định kỳ hàng quý:

a) Chủ đầu tư cung cấp thông tin về tình hình triển khai các dự án nhà ở, bất động sản, số lượng sản phẩm của dự án được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 của Quy chế này về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 8a, số 8b, số 8c, số 8d tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp các thông tin quy định tại điểm h khoản 1 Điều 4 của Quy chế này về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 9 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ.

3. Các thông tin, dữ liệu được cung cấp định kỳ 6 tháng:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện cung cấp thông tin quy định tại điểm i khoản 1 Điều 4 của Quy chế này về Sở Xây dựng để tổng hợp và lưu trữ theo Biểu mẫu số 10 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh cung cấp thông tin về diện tích đất để đầu tư xây dựng nhà ở quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 4 và các thông tin quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 của Quy chế này về Sở Xây dựng để tổng hợp và lưu trữ theo Biểu mẫu số 11, số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ;

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp thông tin về số lượng doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản về Sở Xây dựng để tổng hợp, lưu trữ và báo cáo Bộ Xây dựng theo Biểu mẫu số 13 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ.

4. Các thông tin, dữ liệu được cung cấp định kỳ hàng năm:

Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp cung cấp thông tin quy định tại điểm d, điểm e khoản 1 Điều 4 của Quy chế này về Sở Xây dựng để tổng hợp và lưu trữ theo Biểu mẫu số 14, số 15 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ.

5. Cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu theo yêu cầu đột xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng và đề nghị của Sở Xây dựng, gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp. Trường hợp không ghi thời hạn báo cáo thì phải gửi báo cáo trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Nội dung báo cáo, phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu tại khoản này thực hiện theo yêu cầu của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng. Trường hợp văn bản yêu cầu không nêu nội dung cần báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu thì báo cáo theo nội dung văn bản báo cáo, phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu định kỳ quy định tại Điều này và lấy thông tin, dữ liệu cập nhật tại thời điểm lập báo cáo.

6. Trường hợp không có thông tin, dữ liệu theo yêu cầu báo cáo của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng, các đơn vị phải báo cáo nêu rõ không có thông tin, dữ liệu và chỉ dẫn liên hệ với cơ quan, đơn vị có thông tin, dữ liệu (nếu có).

Điều 7. Việc phối hợp kiểm tra thông tin, dữ liệu (hậu kiểm)

1. Sau khi nhận được báo cáo của các chủ đầu tư dự án bất động sản, sàn giao dịch bất động sản và của các cơ quan liên quan theo Quy chế này, Sở Xây dựng tổng hợp đưa vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản của tỉnh.

2. Trường hợp thông tin, dữ liệu do các cơ quan, đơn vị, sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ đầu tư, sàn giao dịch bất động sản, tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản báo cáo, cung cấp không thống nhất, mâu thuẫn, cần kiểm tra, đối chiếu thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị thì Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quy định tại Điều 6 Quy chế này làm việc với chủ đầu tư, sàn giao dịch bất động sản, các cơ quan, tổ chức liên quan làm rõ, thống nhất về thông tin, dữ liệu để tổng hợp đưa vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản của tỉnh.

Điều 8. Trách nhiệm báo cáo, phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Sở Xây dựng:

a) Trên cơ sở các thông tin, dữ liệu do các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư cung cấp, Sở Xây dựng tổng hợp đưa vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản của tỉnh để phục vụ cho công tác quản lý, phát triển kinh tế - xã hội. Báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo quy định pháp luật, định kỳ công bố thông tin, dữ liệu cơ bản về nhà ở và thị trường bất động sản theo các nội dung do Bộ Xây dựng quy định.

b) Làm việc với chủ đầu tư các dự án bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản, cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã để làm rõ những nội dung, dữ liệu không thống nhất theo quy định tại khoản 2, Điều 7 Quy chế này.

c) Đôn đốc chủ đầu tư các dự án bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nghiêm túc thực hiện việc báo cáo, phối hợp cung cấp, kiểm tra thông tin, dữ liệu theo Quy chế này.

d) Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý vi phạm của chủ đầu tư các dự án bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản không báo cáo hoặc báo cáo không đúng thời hạn, nội dung báo cáo không đầy đủ, chính xác theo quy định.

2. Sở Tư pháp:

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến lượng giao dịch bất động sản để bán qua công chứng, chứng thực tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản theo khoản 2, Điều 7 Quy chế này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều c, khoản 3, Điều 6 Quy chế này.

b) Cung cấp danh sách, thông tin, dữ liệu về các nhà đầu tư thực hiện dự án kinh doanh bất động sản trên địa bàn tỉnh theo quy định Điều 6 Quy chế này đối với các dự án do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư hoặc tham mưu cho cấp có thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo Phụ lục số 1 của Quy chế này.

c) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư và tiến độ dự án tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản theo khoản 2, Điều 7 Quy chế này.

d) Cung cấp cho Sở Xây dựng bản sao giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, văn bản cho phép đầu tư của các dự án bất động sản do cơ quan có thẩm quyền cấp sau ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

b) Cung cấp danh sách, thông tin, dữ liệu về các dự án bất động sản trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 6 Quy chế này đối với các dự án có quyết định giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tên tổ chức, cá nhân sử dụng đất; cơ cấu sử dụng đất theo quy hoạch; tổng diện tích đất, trong đó: diện tích đất xây dựng nhà ở thương mại, diện tích đất xây dựng nhà ở xã hội, diện tích đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật, diện tích đất khác) và thông tin về tiến độ thực hiện giải phóng mặt bằng (nếu có) theo Phụ lục số 2 của Quy chế này.

c) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến quyết định giao đất, cho thuê đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và việc sử dụng đất tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản theo khoản 2, Điều 7 Quy chế này.

5. Cục Thuế tỉnh:

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với báo cáo của chủ đầu tư dự án bất động sản.

6. Cục Thống kê tỉnh:

a) Định kỳ hàng năm và 05 năm cung cấp cho Sở Xây dựng các thông tin, dữ liệu về hoạt động xây dựng và nhà ở như sau:

- Thông tin về kết quả điều tra hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Thông tin về số lượng, diện tích nhà ở đô thị; nhà ở nông thôn; nhà ở phân theo mức độ kiên cố xây dựng; diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người toàn tỉnh, khu vực đô thị, nông thôn theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở, Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ.

b) Cung cấp thông tin, dữ liệu theo yêu cầu đột xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng và đề nghị của Sở Xây dựng, gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp.

7. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;

b) Thực hiện việc báo cáo đối với các dự án bất động sản do cơ quan, đơn vị mình làm chủ đầu tư theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

c) Cung cấp danh sách, thông tin, dữ liệu về các dự án bất động sản trên địa bàn quản lý theo quy định tại Điều 6 Quy chế này đối với các dự án đã được UBND cấp huyện Ban hành quyết định chủ trương đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước (tên dự án, chủ đầu tư, điện thoại liên lạc với chủ đầu tư, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, quy mô sử dụng đất, quy mô xây dựng, địa điểm dự án, tiến độ giải phóng mặt bằng, tiến độ dự án, thời gian chuyển giao công trình, thời gian công trình hoàn thành) và thông tin về tiến độ thực hiện giải phóng mặt bằng, tiến độ xây dựng của dự án (theo Phụ lục số 1 của Quy chế này).

d) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến văn bản chấp thuận đầu tư, quyết định phê duyệt dự án và tiến độ triển khai dự án, tiến độ thực hiện giải phóng mặt bằng, tiến độ xây dựng của dự án tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản theo khoản 2, Điều 7 Quy chế này.

d) Cung cấp cho Sở Xây dựng bản sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư của các dự án đầu tư bất động sản do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp sau ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

8. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

b) Phối hợp với Phòng Kinh tế hạ tầng các huyện, Phòng Quản lý đô thị thành phố để kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến lượng giao dịch bất động sản để bán qua công chứng, chứng thực tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản theo khoản 2, Điều 7 Quy chế này.

c) Cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở trên địa bàn quản lý theo yêu cầu của UBND cấp huyện.

9. Cá nhân, tổ chức liên quan đến việc triển khai xây dựng và kinh doanh của dự án bất động sản (đơn vị tư vấn xây dựng, sàn giao dịch bất động sản, tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản) có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu liên quan đến dự án đầu tư bất động sản, tình hình giao dịch bất động sản định kỳ và theo yêu cầu đột xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng và đề nghị của Sở Xây dựng, gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của Giám đốc Sở, Thủ trưởng ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

1. Bố trí đủ cán bộ, công chức làm công tác theo dõi, tổng hợp báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu; kiểm tra thông tin, dữ liệu về nhà ở, thị trường bất động sản và dự án đầu tư bất động sản theo Quy chế này.

2. Tổ chức việc phối hợp cung cấp, kiểm tra thông tin, dữ liệu về nhà ở, thị trường bất động sản và dự án đầu tư bất động sản giữa các phòng, ban, đơn vị trực thuộc của cơ quan mình để đảm bảo thông tin đầy đủ, kịp thời đến người có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu cho Sở Xây dựng theo Quy chế này.

3. Triển khai báo cáo, phối hợp cung cấp, dữ liệu; kiểm tra thông tin, dữ liệu về nhà ở, thị trường bất động sản và dự án bất động sản của cơ quan mình theo Quy chế này.

4. Sở Tài chính thẩm định dự toán chi phí phục vụ việc thu thập, tổng hợp, tính toán các chỉ tiêu thống kê của tỉnh; dự toán kinh phí bổ sung thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh theo đề nghị của Sở Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quy chế này. Tổ chức vận hành hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản tỉnh Hà Nam.

2. Lập kế hoạch, dự toán chi phí để thu thập, tổng hợp, tính toán các chỉ tiêu thống kê của tỉnh; lập nhiệm vụ và dự toán chi phí bổ sung thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan xử lý vi phạm của chủ đầu tư dự án bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản trong việc không chấp hành báo cáo hoặc báo cáo không đúng thời hạn, nội dung báo cáo không chính xác, đầy đủ theo quy định.

4. Báo cáo, đánh giá và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét khen thưởng, xử lý, kỷ luật đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
ĐẠI CHỨC TỊCH



Nguyễn Xuân Đông

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Quy chế về chế độ báo cáo, phối hợp cung cấp, kiểm tra thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Hà Nam)

SỞ /UBND.....

Thông tin, dữ liệu các dự án bất động sản

STT	Tên dự án Địa điểm dự án	Chủ đầu tư Tên người đại diện để liên hệ Địa chỉ; điện thoại	Thông tin đăng ký của dự án				Tiến độ thực hiện		
			Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)		Diện tích đất	Quy mô xây dựng	Tiến độ thực hiện	Giải phóng mặt bằng	Tiến độ xây dựng
			Tổng số	Trong đó vốn nước ngoài	(ha)	(m ² sàn; căn hộ; lô đất)	Từ ngày.... đến ngày	(ha)	(m ² sàn; căn hộ; lô đất)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	-Khu nhà ở..... đường... phường... thành phố.....	Công ty... Địa chỉ:..... Nguyễn Văn B 0913.....; 0226..... m ² ; căn nhà	Khởi công hoàn thành.....	1	Đang xây dựng hạ tầng kỹ thuật
2 m ² ; căn; lô	Khởi công.....hoàn thành.....	Đã hoàn thành 40 lô
3 căn nhà liên kề; lô	Đất sạch (không phải giải phóng mặt bằng)	Đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư (hoặc không thực hiện)
Tổng cộng:									

PHỤ LỤC 2

(Ban hành kèm theo Quy chế về chế độ báo cáo, phối hợp cung cấp, kiểm tra thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Hà Nam)

SỔ TN&MT**Thông tin, số liệu các dự án bất động sản***Đơn vị tính: ha*

STT	Tên dự án Địa điểm dự án	Chủ đầu tư Tên người đại diện để liên hệ Địa chỉ; điện thoại	Tổng diện tích đất	Trong đó				Tiến độ giải phóng mặt bằng
				DT đất XD nhà ở TM	DT đất XD nhà ở XH	DT đất XD hạ tầng KT	DT đất khác (ghi rõ loại đất)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Chung cư A số... đường..., phường...thành phố	Công ty ... Địa chỉ:..... Nguyễn Văn B 0913.....; 0583.....
2	Đã hoàn thành
3	Đất sạch (không phải giải phóng mặt bằng)
Tổng cộng:								